

Bản án số: 72/2025/HS-ST
Ngày 09-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Mười

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Ông Bùi Văn Khương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Trung - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 57/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2025/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lò Văn B, sinh ngày 15 tháng 5 năm 1981 tại Điện Biên; nơi ĐKKHKT: bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Lang thang không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 0/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn D (đã chết) và bà Cà Thị T; có vợ là Lò Thị H, sinh năm 1975; có 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2024, chuyển tạm giam ngày 01/01/2025; có mặt.

2. Lò Văn T1, sinh ngày 07 tháng 7 năm 1976 tại Điện Biên; nơi ĐKKHKT: bản B, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên; chỗ ở hiện nay: Lang thang không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 0/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn D (đã chết) và bà Cà Thị T; có vợ là Lò Thị B1, sinh năm 1976; có 3 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 24/12/2024, chuyển tạm giam ngày 01/01/2025; có mặt.

- *Người bào chữa cho các bị cáo:* Bà Nguyễn Thị Hồng T2 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước thành phố H; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Chị Lò Thị T3, sinh năm 1996; nơi cư trú: bản P, xã M, huyện T, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người chứng kiến:* Anh Trần Minh T4, sinh năm 1987; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 24/12/2024, tại khu vực trước cửa nhà số B đường H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, tổ công tác Công an phường T tuần tra, phát hiện Lò Văn B và Lò Văn T1 đang điều khiển xe mô tô Honda Wave RSX màu đen Biển kiểm soát 26AE-053.71 có biểu hiện nghi vấn nên tiến hành kiểm tra; thu giữ tại túi áo khoác phía trước bên trái B đang mặc 01 túi nilon màu trắng bên trong có 02 gói giấy đều chứa chất bột màu trắng, nghi là ma túy. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, đưa B, T1 cùng toàn bộ vật chứng về trụ sở công an phường để làm rõ. Kết quả xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của Lò Văn B, Lò Văn T1 dương tính với MOP (Heroine).

Tại Kết luận giám định số 1440 ngày 30/12/2024 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: “*Chất bột màu trắng gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,45 gam, loại Heroine (H)*”.

Tại Cơ quan điều tra, B và T1 khai nhận: Do nghiện ma túy heroine nên ngày 23/12/2024, B và T1 đã thống nhất góp tiền mỗi người 300.000 đồng để mua ma túy, chia nhau tự sử dụng. Khoảng 12 giờ 00 ngày 24/12/2024, B điều khiển xe mô tô chở T1 đến khu vực C, quận L, thành phố Hải Phòng, B đi bộ vào đường tàu mua ma túy để T1 ở ngoài trông xe. B mua của 01 người đàn ông không quen biết 600.000 đồng được 01 túi nilon màu trắng bên trong có 02 gói giấy đều chứa Heroine. B cất số ma túy vừa mua vào túi áo khoác phía trước bên trái đang mặc, đi ra thông báo với T1 về việc đã mua được ma túy rồi đi điều khiển xe mô tô chở T1 tìm địa điểm chia nhau, tự sử dụng riêng thì bị bắt quả tang như nội dung trên.

Lời khai nhận tội của Lò Văn B phù hợp với lời khai nhận tội của Lò Văn T1, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, bản Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án: Chuyên Chi cục thi hành án dân sự quận H:

+ 01 bì giấy bên trong có toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói của mẫu vật có dấu niêm phong số 1440MT/PC09 của Phòng K Công an thành phố H.

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu đen BKS: 26AE-053.71 có số khung: RLHJA3875RY013426; số máy: JA53E0058979.

Tại Bản cáo trạng số 77/CT-VKSHB ngày 18/3/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Lò Văn Biên và Lò Văn T1 về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên, lời khai nhận tội của Lò Văn B phù hợp với lời khai nhận tội của Lò Văn T1, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, bản Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn B với mức án từ 36 đến 42 tháng tù, xử phạt bị cáo Lò Văn T1 với mức án từ 30 đến 36 tháng tù đều về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy bên trong có toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói của mẫu vật có dấu niêm phong số 1440MT/PC09 của Phòng K Công an thành phố H.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen Biển kiểm soát 26AE-053.71 có số khung: RLHJA3875RY013426; số máy: JA53E0058979, qua giám định số khung, số máy không bị tẩy xóa và không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, đăng ký chủ xe là chị Lò Thị T3. B và T1 mượn xe trên của người làm cùng công trường là anh Lò Văn T5 (chồng chị T3), không nói cho anh T5 biết việc sử dụng để đi mua ma túy. Ngày 10 tháng 3 năm 2025 chị T3 có đơn đề nghị được xin lại chiếc xe này nên cần trả lại cho chị T3.

Về án phí: Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn án phí hình sự cho các bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho các bị cáo nhất trí với tội danh Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố. Nhận thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tuy nhiên các bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án tiền sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án thấp so với đề nghị của Viện kiểm sát để các bị cáo có cơ hội cải tạo tốt trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo được Hội đồng xét xử ghi nhận, xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng bị cáo ăn năn về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của người chứng kiến:

[3] Người chứng kiến anh Trần Minh T4 đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Các bị cáo và đại diện Viện kiểm sát không đề nghị hoãn phiên tòa về sự vắng mặt của người chứng kiến. Xét thấy người chứng kiến đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và việc vắng mặt của họ tại phiên tòa

không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng hình sự; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người chứng kiến.

- Về tội danh:

[4] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung trên, lời khai nhận tội của Lò Văn B phù hợp với lời khai nhận tội của Lò Văn T1, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ, bản Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 15 phút ngày 24/12/2024, tại khu vực trước cửa số B đường H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng, Lò Văn B và Lò Văn T1 cùng thống nhất góp tiền mỗi người 300.000 đồng mua được 0,45gam ma túy Heroine để chia nhau, tự sử dụng riêng cho bản thân thì bị phát hiện, bắt quả tang. Tại thời điểm thực hiện hành vi (ngày 24/12/2024), các bị cáo là người trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi trách nhiệm hình sự; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp. Như vậy hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

- Đánh giá về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, xâm phạm trật tự trị an xã hội, làm phát sinh, gia tăng nhiều loại tội phạm hình sự khác.

- Xét vai trò và hình phạt:

[6] Trong vụ án này, hành vi của các bị cáo đồng phạm giản đơn, cả hai đều có mục đích mua ma túy để sử dụng. Tuy nhiên bị cáo B là người khởi sự, chủ động điều khiển xe máy chở T1 và trực tiếp giao dịch mua 600.000 đồng, kết quả giám định 0,45gam ma túy Heroine để chia nhau, tự sử dụng cho bản thân bị phát hiện, bắt quả tang. Căn cứ tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân các bị cáo để xét xử bị cáo B mức án nghiêm và cao hơn so với bị cáo T1 là phù hợp và đảm bảo tính công bằng của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[7] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

- Về quan điểm của người bào chữa cho bị cáo:

[9] Người bào chữa cho các bị cáo nêu quan điểm các bị cáo phạm tội lần đầu, bản thân chưa có tiền án tiền sự nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo mức án thấp so với đề nghị của Viện kiểm sát để các bị cáo có cơ hội cải tạo tốt trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của người bào chữa cho các bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, bởi các bị cáo tuy là lần đầu phạm tội nhưng lại phạm tội nghiêm trọng do đó không có căn cứ để áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho các bị cáo.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và vai trò của các bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, trên cơ sở đề nghị của Kiểm sát viên và kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa; sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy cần căn cứ Điều 17, 58 của Bộ luật Hình sự, áp dụng hình phạt tù có thời hạn, bắt các bị cáo phải chấp hành tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định mới có đủ điều kiện giáo dục và phát huy tác dụng răn đe, đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung:

[11] Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ và xét hỏi tại phiên tòa cho thấy các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp ổn định, là đối tượng nghiện ma túy, không có nơi ở cố định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

- Về xử lý vật chứng:

[12] Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy bên trong có toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói của mẫu vật có dấu niêm phong số 1440MT/PC09 của Phòng K Công an thành phố H.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX màu đen Biển kiểm soát 26AE-053.71 có số khung: RLHJA3875RY013426; số máy: JA53E0058979, qua giám định số khung, số máy không bị tẩy xóa và không có trong cơ sở dữ liệu vật chứng, đăng ký chủ xe là chị Lò Thị T3. B và T1 mượn xe nêu trên của người làm cùng công trường là anh Lò Văn T5 (chồng chị T3), không nói cho anh T5 biết việc sử dụng để đi mua ma túy. Ngày 10 tháng 3 năm 2025 chị T3 có đơn đề nghị được xin lại chiếc xe này nên cần trả lại cho chị T3.

- Về án phí:

[13] Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Lò Văn B và Lò Văn T1 là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí, nên miễn án phí hình sự cho các bị cáo.

- Về quyền kháng cáo đối với bản án:

[14] Các bị cáo Lò Văn B và Lò Văn T1, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T3 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này:

[15] Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lò Văn B, không có thông tin về lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; Điều 17, 58; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố các bị cáo Lò Văn B và Lò Văn T1 phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt: Lò Văn B 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Xử phạt: Lò Văn T1 30 (ba mươi) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của các bị cáo tính từ ngày 24 tháng 12 năm 2024.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bì giấy bên trong có toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định cùng vỏ bao gói của mẫu vật có dấu niêm phong số 1440MT/PC09 của Phòng K Công an thành phố H.

- Trả lại cho chị Lò Thị T3 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX FI màu đen BKS 26AE-053.71 có số khung: RLHJA3875RY013426; số máy: JA53E0058979 (xe đã qua sử dụng, tình trạng xe cũ, không kiểm tra chất lượng xe). (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12/3/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng).

Về án phí: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lò Văn B và Lò Văn T1.

Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Các bị cáo Lò Văn B và Lò Văn T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị T3 được quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- PV 06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan THA HS Công an thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Mười